TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Hà Văn Dương**

Ông **Lê Dũng Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Xuân Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện VKSND huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** – Kiển sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN xét xử công khai vụ án thụ lý số 34/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L – sinh năm 1987, cư trú tại: Ấp NL 1, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN. Chỗ ở: Nhà trọ Quốc Thái, đường SB1, xã MP, huyện BC, tỉnh BD.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung Q – sinh năm 1985, cư trú tại: Số nhà 36, Tổ 6, Ấp NL 1, xã PT, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Chị L, anh Q cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/01/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk R'M, huyện GN, tỉnh ĐN1. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan niệm sống, mâu thuẫn giữa hai bên gia đình dẫn đến vợ chồng sống không hòa hợp nhau. Từ cuối năm 2014 cho đến nay, chị và anh Q sống ly thân nhau, mỗi người sinh sống mỗi nơi. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tháng 10 năm 2017, chị đã làm đơn xin ly hôn với anh Q, được Tòa án hòa giải nên vợ chồng đồng ý về đoàn tụ sống chung. Tuy nhiên, từ khi Q định của Tòa án có hiệu lực cho đến nay, vợ chồng mỗi người sinh sống mỗi nơi, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung chưa thành niên tên là Nguyễn Thị Hoàng O – sinh ngày 04/10/2008 và Nguyễn Phạm Hoàng L – sinh ngày 03/5/2011. Hiện nay, cháu O do chị trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu L do anh Q nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu O và đồng ý giao cháu L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Q tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Về nợ chung: Chị kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải Q.

Do ở xa nên chị L yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn anh Q trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Đăk R'M, huyện GN, tỉnh ĐN1. Đến tháng 3 năm 2014, vợ chồng anh chị cùng chuyển đến nhà bố mẹ của chị L sinh sống được khoảng 04 tháng thì giữa vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do điều kiện kinh tế của anh khó khăn nhưng chị L không thông cảm. Sau đó, anh bỏ về nhà tại xã Phú Thanh, huyện TP, tỉnh ĐN sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 10 năm 2017, chị L nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện TP, qua hòa giải thì vợ chồng đồng ý về đoàn tụ sống chung. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay, vợ chồng thực tế không về sống chung mà tiếp tục sống ly thân, mỗi người mỗi nơi. Giữa vợ chồng không có thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh vẫn còn yêu thương chị L và do anh theo tôn giáo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn.

- Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên tên là Nguyễn Thị Hoàng O – sinh ngày 04/10/2008 và Nguyễn Phạm Hoàng L – sinh ngày 03/5/2011. Hiện nay, cháu O do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu L đang sống cùng với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và đồng ý giao cháu O cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Về nợ chung: Anh Q kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải Q.

Do công việc của anh Q thường xuyên vắng nhà nên anh yêu cầu Tòa án xem xét xét xử vắng mặt anh theo quy định.

Trong quá trình giải Q vụ án nguyên đơn chị L đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Đơn khởi kiện; chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị và anh Q (đã đối chiếu bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh của các con chung (bản sao). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này nguyên đơn đã gửi cho bị đơn.

Để giải Q vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; đơn thể hiện nguyện vọng của con chung; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Tòa án đã ra Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị L và anh Q không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải Q vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn, cho chị L được ly hôn anh Q.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Thị Hoàng O – sinh ngày 04/10/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Phạm Hoàng L – sinh ngày 03/5/2011 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị L và anh Q, do anh chị không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị L và anh Q không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị L có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con với anh Q. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và xác định chị L là nguyên đơn, anh Q là bị đơn.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại Ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Thanh, huyện TP, tỉnh ĐN. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh ĐN có thẩm quyền thụ lý giải Q vụ kiện.

[1.3] Nguyên đơn, bị đơn đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đăk R'Moan, huyện Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 05/11/2007. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải Q.

Căn cứ vào lời khai của đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Thời gian từ năm 2007 đến năm 2013, anh chị vẫn chung sống hạnh phúc. Sau đó, giữa vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn và không tôn trọng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế của gia đình khó khăn nhưng vợ chồng không thông cảm cho nhau. Từ năm 2014 cho đến nay, anh chị còn không quan tâm, chăm sóc nhau và thực tế cũng không còn sống chung với nhau. Tháng 10 năm 2017, chị L nộp đơn ly hôn với anh Q, qua hòa giải tại Tòa án, anh chị đồng ý về đoàn tụ sống chung. Tuy nhiên từ đó cho đến nay, anh chị mỗi người sống mỗi nơi, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau.

Anh Q có lời khai vì anh vẫn còn thương yêu chị L nên anh không đồng ý ly hôn. Lời khai trên của anh Q là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, thực tế từ năm 2014 cho đến nay, anh chị không còn sống chung và không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau.

Như vậy, có căn cứ xác định anh chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị L, anh Q có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của chị Phạm Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Trung Q.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Q có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hoàng O – sinh ngày 04/10/2008 và Nguyễn Phạm Hoàng L – sinh ngày 03/5/2011. Hiện tại, cháu O do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu L do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L và anh Q thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu O, còn anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L.

Xét sự thỏa thuận của chị L, anh Q về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, không trái với các quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu O. Vì vậy, để tránh làm xáo

trộn cuộc sống, cũng như đảm bảo quyền lợi của các cháu, Hội đồng xét xử Q định giao cháu O cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Do các bên chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải Q bằng vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Q và chị L không yêu cầu Tòa án giải Q. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Trung Q.

- *Về con chung:* Giao con chung tên là Nguyễn Thị Hoàng O – sinh ngày 04/10/2008 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên là Nguyễn Phạm Hoàng L – sinh ngày 03/5/2011 cho anh Nguyễn Trung Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L và anh Q có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải Q.

Nợ chung: Không có.

2/ *Về án phí:* Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị

L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008141 ngày 23/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh ĐN được chuyển thành án phí.

3/ Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đăk R'M, huyện GN, tỉnh ĐN1: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy Chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01, cấp ngày 05/11/2007);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh